

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;
- 2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị V** 32 tuổi

Địa chỉ: Thôn U- xã TL- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử mặt.

**Bị đơn:** Anh **Lương Văn Q** 36 tuổi

Địa chỉ: Thôn U- xã TL- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 19-7-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị V trình bày: Chị và anh Lương Văn Q kết hôn tháng 11 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã TL- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh Q không lo làm ăn, hay cờ bạc, lô đề, không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi chị bị ốm đến mức không đi lại được nhưng anh Q không về, cũng không gửi tiền về để chị đi chữa bệnh. Mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Xác định không còn tình cảm, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai

cháu là Lương Lâm V1 sinh ngày 09-11-2010 và Lương Lâm Ph sinh ngày 12-10-2015. Khi ly hôn mỗi người nuôi một cháu, chị sẽ nuôi cháu Lương Lâm Ph, anh Q nuôi cháu Lương Lâm V1. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai và tại phiên hoà giải bị đơn là anh Lương Văn Q trình bày cơ bản như lời khai của chị V. Tuy nhiên theo anh không có chuyện anh mãi chơi, không quan tâm đến gia đình. Nay xác định vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, nếu ly hôn anh sẽ nuôi các con và yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi một con mỗi tháng 600.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị V được ly hôn với anh Q; giao các con cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Chị V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị V và anh Lương Văn Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã TL- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Lương Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Hoàng Thị V có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị V và anh Lương Văn Q kết hôn năm 2009, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị V- anh Q không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị V khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V- anh Q đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Chị V và anh Q có hai cháu là Lương Lâm V1 sinh ngày 09-11-2010 và Lương Lâm Ph sinh ngày 12-10-2015. Trong biên bản lấy lời khai cháu V1 có nguyện vọng ở với bố; cháu Ph có nguyện vọng ở với mẹ. Tại phiên hoà giải hai bên thoả thuận thống nhất khi ly hôn anh Lương Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con; chị Hoàng Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Lâm Ph mỗi tháng 600.000 đồng kể từ tháng 9-2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Sự thoả thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cần ghi nhận.

**[4] Về tài sản chung; nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

**[5] Về án phí:** Chị V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.**

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1- Về quan hệ hôn nhân:** Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Lương Văn Q.

**2- Về con chung:** Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cả hai cháu là Lương Lâm V1 sinh ngày 09-11-2010 và Lương Lâm Ph sinh ngày 12-10-2015 cho anh Lương Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Lâm Ph mỗi tháng 600.000 đồng kể từ tháng 9-2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3- Về án phí:** Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hoàng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 450.000 đồng. Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002430 ngày 19-7-2022; số tiền chị V còn phải nộp tiếp là 150.000 đồng.

**4- Quyền kháng cáo:** Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

**5- Quyết định được thi hành** theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

**Phan Duy Đô**